

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HSST
Ngày 22 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ánh Dương

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
2. Ông Nguyễn Lâm Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ – Kiểm sát viên .

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 28 tháng 2 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/HSST- QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

*** Họ và tên:** Phạm Ngọc T

- Tên gọi khác: D;

Giới tính: Nam;

- Sinh ngày 09 tháng 3 năm 1996;

- Nơi sinh và nơi cư trú: thôn Ng, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

- Họ và tên cha: Phạm Văn H (đã chết).

- Họ và tên mẹ: Lê Thị D, sinh năm 1965;

- Vợ, con: Chưa có;

- Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;
- Tiền án:

+ Tại Bản án số 58/2015/HS-ST ngày 24/11/2015 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt Phạm Ngọc T 15 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2015 (chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 28/10/2016, chấp hành xong phần án phí ngày 29/12/2015).

+ Tại Bản án số 141/2017/HSST ngày 03/10/2017 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt Phạm Ngọc T 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2017 (chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 16/7/2019, chấp hành xong phần án phí và phần dân sự của Bản án ngày 18/7/2019).

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 25/4/2013 của Chủ tịch UBND huyện T, Phạm Ngọc T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 10 tháng (Thi hành quyết định ngày 27/4/2013 được giảm 01 tháng 26 ngày, chấp hành xong ngày 01/01/2014).

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/11/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

** Các bị hại:*

- Anh Lê Văn Q, sinh năm 1999 (Có mặt)
Trú tại thôn Th, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Giáp Văn Tr, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Trú tại thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Thân Văn T3, sinh năm 198 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Ngh, xã Ngh, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đào Trọng Q1, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Trú tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Đồng Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
- Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Đều trú tại thôn K, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Anh Giáp Văn C, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: phố Ng, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

** Người làm chứng :*

- Anh Thân Văn H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Trú tại: phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Phi Th, sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại thôn Ngh, xã Ngh, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
 - Anh Nguyễn Tuấn A (tên thường gọi là Q), sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Trú tại thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
 - Chị Bùi Thị H, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
Trú tại thôn Th, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang
 - Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1977 (Có mặt)
 - Anh Lê Văn Q, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
- Đều trú tại: thôn Th, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu cá nhân nên Phạm Ngọc T (tên gọi khác là D), sinh năm 1996 trú tại thôn Ng, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bạn bè để bán, cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Trong thời gian từ ngày 16/11/2019 đến ngày 18/11/2019, Phạm Ngọc T đã thực hiện ba vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn huyện T, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/11/2019, anh Lê Văn Q, sinh năm 1999 trú tại thôn Th, xã Ng, huyện T đang bán hàng nước tại Quảng Trường L thuộc khu Đ, thị trấn C, huyện T thì có Phạm Ngọc T, sinh năm 1996 trú tại thôn Ng, xã V, huyện T đến mục đích để mượn xe mô tô mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu (T và anh Q có quen biết nhau từ trước). Khi gặp anh Q, T bảo với anh Q "Cho anh mượn xe và điện thoại để đi đón chị", thấy T nói vậy, anh Q đồng ý đưa cho T chìa khóa xe mô tô và bảo T, “điện thoại em để ở giỏ để đồ của xe”, sau đó T cầm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus 64 GB, màu ghi đen của anh Q ở giỏ xe mô tô rồi nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu sơn xanh, biển kiểm soát 98B2 - 479.97 của anh Q đến quán Internet tại Khu công nghiệp Đ, thuộc địa phận thôn Đ, xã C, huyện T của anh Đào Trọng Q1, sinh năm 1995, trú tại thôn A, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để cầm cố chiếc xe mô tô vay anh Q1 số tiền 3.000.000 đồng. Nhưng do buổi sáng ngày 16/11/2019, T có cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 98B2- 199.77 cho anh Q1 để vay anh Q1 số tiền 2.200.000 đồng và còn nợ tiền của anh Q1 nên khi T mang xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 479.97 đến để vay tiền của anh Q1 thì anh Q1 đã trừ nợ để T lấy lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 98B2- 199.77, anh Q1 đưa cho T số tiền 400.000 đồng, T cầm tiền và điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 199.77 đến cửa hàng mua bán điện thoại của anh Đồng Văn T, sinh năm 1988 trú tại thôn K, Việt Lập, huyện T, tỉnh Bắc Giang bán chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 6 Plus 64 GB, màu ghi đen cho anh T được 1.500.000 đồng, số tiền này T đã ăn tiêu hết.

Ngày 18/11/2019, anh Lê Văn Q không thấy T mang trả tài sản, anh Q có tìm hiểu và được biết T đã để xe của anh ở tại quán Internet của anh Q1 để vay tiền nên anh Q đã đến gặp anh Q1 và đưa cho anh Q1 số tiền 3.000.000 đồng và chuộc lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98B2- 479.97 về và làm đơn trình báo gửi đến Cơ quan điều tra Công an huyện T, đồng thời anh Q giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 479.97 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị H cho Cơ quan điều tra.

Sau khi sự việc xảy ra ngày 18/11/2019, Phạm Ngọc T đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình, đồng thời Phạm Ngọc T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn xanh, do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 98H4- 1707 cho Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 18/11/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Ngọc T, kết quả khám xét không thu giữ gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Căn cứ lời khai của Phạm Ngọc T, ngày 18/11/2019 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu giữ của anh Đồng Văn T 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318, máy cũ đã qua sử dụng.

Ngày 19/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision màu xanh, BKS: 98B2 - 479.97 xe mô tô cũ, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318, máy cũ đã qua sử dụng trị giá bao nhiêu tiền?

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 42/KL-ĐGTS ngày 20/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision màu xanh, BKS: 98B2 - 479.97 xe mô tô cũ đã qua sử dụng có giá: 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng chẵn).

- 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318, máy cũ đã qua sử dụng có giá: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị tài sản là 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô Sirius, biển kiểm soát 98B2- 199.77 là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị H, sinh năm 1995 trú tại thôn Th,

xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là bạn gái của T). Ngày 16/11/2019, Khi T mang chiếc xe mô tô của chị H đến quán internet của anh Đào Trọng Q cầm cố vay tiền của anh Q1 được chị H đồng ý, sau khi lấy chiếc xe mô tô lại, T đã trả lại cho chị H nên hành vi mượn xe mô tô của chị H mang đi cầm cố vay tiền của T không vi phạm pháp luật, đến nay chị H không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision màu xanh, biển kiểm soát 98B2 - 479.97, đăng ký xe mô tô 98B2- 479.97 mang tên Lê Thị H và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318 là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn Q nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại những tài sản trên cho anh Q quản lý, sử dụng. Đến nay anh Q yêu cầu Phạm Ngọc T phải bồi thường cho anh số tiền 3.000.000 đồng mà anh đã bỏ ra để chuộc lại xe.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 17/11/2019, Phạm Ngọc T đi xe mô tô một mình lên phòng trọ của anh Thân Văn H, sinh năm 1978 ở phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang chơi. Khi đến thì T không thấy anh H ở phòng trọ mà gặp anh Giáp Văn Tr, sinh năm 1983 trú tại thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang (anh H, anh Tr là bạn bè quen biết từ trước với T) đang ở phòng trọ của anh H. Qua nói chuyện với anh Tr, T biết anh Tr đang cho Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987 (tên thường gọi là Q) trú tại thôn Cả Am, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang mượn xe mô tô của anh Tr đi chưa về. Sau đó, T ở lại phòng trọ của anh H chơi cùng với anh Tr. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Tuấn A đi xe mô tô của anh Tr về phòng trọ và ngồi chơi cùng T và anh Tr. Quá trình ngồi chơi, cả ba bàn nhau đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, T nói với mọi người là T mang xe mô tô của mình đi cầm cố để lấy tiền mua ma túy, đồng thời T bảo Nguyễn Tuấn A đi cùng, A đồng ý. Sau đó T và A mỗi người đi một xe mô tô, khi đi A nói xe mô tô hết xăng nên T đưa cho A số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) để A đi đổ xăng xe. Trong lúc chờ A đi đổ xăng xe thì T nảy sinh ý định mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng của anh Tr đem đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân nên T điều khiển xe mô tô quay lại nhà trọ của anh H để gặp anh Tr. Lúc này khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, gặp anh Tr, T nói với anh Tr cho T mượn điện thoại để chơi điện tử, anh Tr đồng ý đưa chiếc điện thoại Iphone 6S, màu trắng có ốp vỏ nhựa màu đen cho T mượn. Sau khi mượn được điện thoại di động của anh Tr thì T điều khiển xe mô tô đi thẳng về nhà anh Nguyễn Đức T2, sinh năm 1993 trú tại thôn K, xã V, huyện T chơi và rủ T2 đi cùng sang nhà anh Trịnh Văn V, sinh năm 1986 (ở cùng thôn với T2) cầm cố chiếc điện thoại di động mà T vừa mượn của anh Tr được số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn), số tiền này T không chia cho T2 mà đã ăn tiêu cá nhân hết. Sau khi cho T mượn điện thoại không thấy T trả, anh Tr tìm T nhưng không gặp nên ngày 18/11/2019 anh Tr đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện T.

Ngày 18/11/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu giữ của anh Trịnh Văn V 01 (một) chiếc điện thoại Iphone 6S, màu trắng có ốp vỏ nhựa màu đen mà T đã cầm cố cho anh V để phục vụ điều tra.

Ngày 22/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng 32GB, mặt sau điện thoại có Model A1688 FCCID:BCG-E2946A IC579C-E2946A cũ đã qua sử dụng trị giá bao nhiêu tiền?

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 41/KL-ĐGTS ngày 30/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng 32GB, mặt sau điện thoại có Model A1688 FCCID:BCG-E2946A IC579C-E2946A cũ đã qua sử dụng có giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn).

Quá trình điều tra xác định được chiếc điện thoại Iphone 6S, màu trắng 32GB, có ốp vỏ nhựa màu đen là tài sản của anh Giáp Văn Tr nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc điện thoại này cho anh Tr. Đến nay anh Tr không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại.

Vụ thứ ba: Khoảng 06 giờ ngày 18/11/2019, sau khi chơi điện tử tại đầu cầu Đ, xã Q, huyện T xong; T gặp bạn là Nguyễn Phi Th, sinh năm 1996 trú tại thôn Ngh, xã Ngh, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Khi gặp anh Th, T nhờ anh Th đưa về nhưng do bận nên anh Th đã đưa T về nhà anh Thân Văn T3, sinh năm 1982 (ở cùng thôn với anh Th và là bạn của T và anh Th) để nhờ anh T3 đưa T về. Sau khi đưa T đến nhà anh T3 thì anh Th đi làm, còn T ở lại nhà anh T3 chơi. Một lúc sau, anh T3 lấy chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn xanh do Trung Quốc sản xuất biển kiểm soát 98H4- 1707 đưa T về nhà T ở thôn Ng, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trên đường đưa T về nhà đến đoạn đường thuộc thôn K, xã V, huyện T, huyện T thì gặp Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1987 (tên thường gọi là Q) trú tại thôn C, xã Ph, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang đi bộ ở đường nên T bảo anh T3 cho A đi nhờ về nhà T, anh T3 đồng ý chở A và T về nhà T. Khi về nhà T thì A nói có việc phải về nên T đã nói với anh T3 là cho A mượn xe mô tô của anh T3 để A đi về, còn anh T3 ở lại nhà T chơi, anh T3 đồng ý và lấy chìa khóa xe mô tô đưa cho A đi về. Khoảng 08 giờ cùng ngày khi A đi về, lúc này chỉ còn lại T và anh T3 nên T đã nảy sinh ý định mượn chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen của anh T3 đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân nên T nói với T3 “Cho em mượn điện thoại để em vào mạng”, anh T3 đồng ý đưa điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J6+ màu đen của mình cho T mượn. Khi anh T3 đưa điện thoại cho T thì T lắp sim điện thoại của mình vào điện thoại của anh T3, ngay lúc này có anh Giáp Văn Tr gọi điện đến đòi T chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng mà hôm trước T đã mượn của anh Tr, T bảo anh Tr đến nhà T đợi T để cùng đi chuộc điện thoại. Sau khi nghe điện thoại xong, T bảo anh T3 “Anh đợi em

sang nhà bác em để em mượn sạc điện thoại” nhưng khi sang nhà bác không thấy có ai ở nhà nên không mượn được sạc điện thoại, đúng lúc này anh Tr lại gọi điện thoại hỏi T đang ở đâu thì T bảo anh Tr đi ra phía sau nhà T đợi để T không về nhà gặp anh T3 nữa. Gặp anh Tr ở phía sau nhà, T bảo anh Tr đưa T đi để cầm cố điện thoại của T để lấy tiền chuộc điện thoại của anh Tr. T nhờ anh Tr đi xe mô tô chở T lên cửa hàng mua bán điện thoại của anh Giáp Văn C, sinh năm 1986 ở phố Ng, thị trấn C, huyện T, tại đây T đã bán cho anh C chiếc điện thoại di động nhãn Samsung Galaxy J6+ màu đen mà T mượn được của T3 với giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán được điện thoại, T bảo anh Tr chở T về nhà Nguyễn Đức T2 để T nhờ T2 đi chuộc điện thoại cho anh Tr nhưng thực chất là T đến nhà T2 bảo T2 chở T đi chơi điện tử để T trốn tránh gặp anh Tr.

Ngày 18/11/2019, T thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên T đã đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Lê Văn Q và khai nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Tr và anh T3 như đã nêu trên. Số tiền 1.500.000 đồng bán điện thoại của anh T3 có được, T đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/11/2019, sau khi mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy J6+ màu đen của T, anh C đã bán chiếc điện thoại này cho một người không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc điện thoại này.

Ngày 31/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen cũ đã qua sử dụng trị giá bao nhiêu tiền?

Tại Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự 06/KL-ĐGTS ngày 03/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá: 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen cũ đã qua sử dụng trị giá 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn xanh do Trung Quốc sản xuất biển kiểm soát 98H4- 1707 do T giao nộp khi đến Cơ quan điều tra đầu thú. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Thân Văn T3 nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô này cho anh T3 quản lý, sử dụng. Đến nay anh T3 yêu cầu T phải bồi thường cho anh tổng số tiền 8.000.000 đồng (trong đó có 3.000.000 đồng tiền giá trị của chiếc điện thoại và 5.000.000 đồng tiền anh T3 phải bỏ ra để thuê xe do không có phương tiện đi lại).

Đối với anh Trịnh Văn V, anh Đồng Văn T và anh Giáp Văn C là những người mua, cầm cố điện thoại của Phạm Ngọc T nhưng anh V, anh T và anh C không biết những tài sản này do T phạm tội mà có nên anh V, anh T và anh C

không vi phạm pháp luật. Đến nay anh V, anh T và anh C không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

Đối với Nguyễn Đức T2 là người đi cùng với T đến nhà anh Trịnh Văn V để cầm cố điện thoại nhưng T2 không biết điện thoại này do T phạm tội mà có, bản thân T2 không được hưởng lợi nhuận từ việc T cầm cố điện thoại nên T2 không vi phạm pháp luật.

Đối với anh Đào Trọng Q khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2 - 479.97 và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 199.77 của Phạm Ngọc T, anh Q1 không biết đó là những tài sản do T mượn của người khác và do T phạm tội mà có nên anh Q1 không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên anh Q1 đã vi phạm về ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 3.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn Q yêu cầu Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, anh Thân Văn T3 yêu cầu T phải bồi thường tổng số tiền 8.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố Phạm Ngọc T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS, ngày 27/2/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Phạm Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/11/2019.

- * Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho anh Lê Văn Q.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 1.900.000 đồng cho anh Thân Văn T3 theo giá trị định giá 01 điện thoại Samsung Galaxy J6+ màu đen không thu hồi được.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Phạm Ngọc T nói lời sau cùng: Đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Do không có tiền ăn tiêu cá nhân nên trong thời gian từ ngày 16/11/2019 đến ngày 18/11/2019, Phạm Ngọc T (tên gọi khác là D), (là người đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích) đã sử dụng thủ đoạn gian dối thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/11/2019, tại Quảng Trường Lương Văn Năm thuộc khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Phạm Ngọc T đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Honda- Vision màu xanh, BKS: 98B2 - 479.97 trị giá 17.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318 trị giá 4.500.000 đồng, tổng cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.500.000 đồng của anh Lê Văn Q.

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 17/11/2019, tại nhà trọ của anh Thân Văn H, sinh năm 1978 ở phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Phạm Ngọc T đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng 32GB, mặt sau điện thoại có Model A1688 FCCID:BCG-E2946A IC579C-E2946A trị giá 2.000.000 đồng của anh Giáp Văn Tr.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 18/11/2019, tại nhà ở của Phạm Ngọc T, T đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen trị giá 1.900.000 đồng của anh Thân Văn T3.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Bản tự khai, Bản tường trình, Bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Đơn trình báo và lời khai của anh Lê Văn Q, anh Giáp Văn Tr, anh Thân Văn T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Văn Q, anh Giáp Văn Tr, anh Thân Văn T3, theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 42/KL-ĐGTS ngày 20/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda- Vision màu xanh, BKS: 98B2 - 479.97 xe mô tô cũ đã qua sử dụng có giá: 17.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus 64GB, màu ghi đen có IMEI 354392065992318, máy cũ đã qua sử dụng có giá: 4.500.000 đồng; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 41/KL-ĐGTS ngày 30/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố

tụng hình sự huyện T định giá: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng 32GB, mặt sau điện thoại có Model A1688 FCCID:BCG-E2946A IC579C-E2946A cũ đã qua sử dụng có giá 2.000.000 đồng; Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự 06/KL-ĐGTS ngày 03/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J6+ màu đen cũ đã qua sử dụng trị giá 1.900.000 đồng. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo Phạm Ngọc T có 02 tiền án chưa được xóa án tích lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 02 Điều 174 BLHS. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Phạm Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 02 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến niềm tin và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Cần xử phạt tù với thời hạn nhất định đối với bị cáo T để bị cáo biết tuân thủ pháp luật và có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên áp dụng theo điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo Phạm Ngọc T “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo đầu thú. Nên bị cáo Phạm Ngọc T được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm s khoản 01, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo Phạm Ngọc T không có tài sản và không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5, Điều 174 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho anh Lê Văn Q là tiền anh Q đưa cho anh Đào Trọng Q để chuộc lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 98B2- 479.97.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 1.900.000 đồng cho anh Thân Văn T3 theo giá trị định giá 01 điện thoại Samsung Galaxy J6+ màu đen không thu hồi được.

Anh Thân Văn T3 phải tự lo phương tiện đáp ứng việc đi lại hàng ngày. Ngoài lời khai anh T3 không có chứng cứ chứng minh việc thuê xe đi lại nên không chấp nhận yêu cầu của anh T3 về việc buộc bị cáo Phạm Ngọc T bồi thường 5.000.000 đồng tiền anh T3 phải bỏ ra để thuê xe do không có phương tiện đi lại. Bị hại chịu 300.000 đồng án phí DSST bị bác yêu cầu theo điểm e khoản 01 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave màu sơn xanh do Trung Quốc sản xuất biển kiểm soát 98H4- 1707 do Phạm Ngọc T giao nộp khi đến Cơ quan điều tra đầu thú. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Thân Văn T3 nên Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô này cho anh T3 quản lý, sử dụng là đúng.

Đối với anh Trịnh Văn V, anh Đồng Văn T và anh Giáp Văn C là những người mua, cầm cố điện thoại của Phạm Ngọc T nhưng anh V, anh T và anh C không biết những tài sản này do T phạm tội mà có nên anh V, anh T và anh C không vi phạm pháp luật. Đến nay anh V, anh T và anh C không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Đức T2 là người đi cùng với T đến nhà anh Trịnh Văn V để cầm cố điện thoại nhưng T2 không biết điện thoại này do T phạm tội mà có, bản thân T2 không được hưởng lợi nhuận từ việc T cầm cố điện thoại nên T2 không vi phạm pháp luật.

Đối với anh Đào Trọng Q khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2 - 479.97 và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B2- 199.77 của Phạm Ngọc T, anh Q1 không biết đó là những tài sản do T mượn của người khác và do T phạm tội mà có nên anh Q1 không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tuy nhiên anh Q1 đã vi phạm về ngành nghề kinh doanh có điều kiện nên Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 3.500.000 đồng là đúng.

Ngày 16/11/2019, Khi T mang chiếc xe mô tô 98B2-199-77 của chị Bùi Thị H đến cầm cố vay tiền của anh Đào Trọng Q được chị H đồng ý. T đã trả lại xe mô tô này cho chị H nên hành vi mượn xe mô tô của chị H mang đi cầm cố vay tiền của T không vi phạm pháp luật, đến nay chị H không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của BLHS; Điều 357; khoản 02 Điều 468; Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng cho anh Lê Văn Q.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường số tiền 1.900.000 đồng cho anh Thân Văn T3.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2015.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a, điểm e khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Bị hại Thân Văn T3 phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Bị cáo, bị hại (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

Nguyễn Ánh Dương